

Summary of Channel 7 - : Lat: 30-29-10.0 N Lon: 88-42-53.0 W ERP: 3.000 kW ComStudy 2.2 RadioSoft

CallSign	Fac ID	City	Class	Type	ERP	Sep	Ty	Status	Bearing	Dist	Clearance	D/U	Rx F/B Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Co	Svc dBm	Cont Int	dBu	Old Pop	New Pop	Total Pop	P/Old	P/New	P/Old	P/New	Pop/Old	Pop/New			
WRBD-89994		PENSACOLA	PTV	CP	3.000	C/M		Clean	91.53	141.1	43.5	45	6.0	0	VHI	7 -	Co	LR	F(50.5068	F(50.1023	0.0%	0.0%	257141	257141	257141	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00			
WDAM-21250		LAURENTSC	LIC		316.000	C/M		Interf	333.34	120.5	2.1	28	6.0	3	VHI	7 Z	Co	LR	F(50.5066	F(50.1028	0.0%	0.0%	284092	284092	284092	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01			
WKFK-125534		PASCALPTV	LIC		3.000	C/M		CallSign	122.74	21.2	0.0	28	6.0	0	VHI	7 +	Co	LR	F(50.5068	F(50.1040	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C		
WVUE-4149		NEW ORTSC	LIC		316.000	C/M		Clean	243.80	132.6	4.3	-3	6.0	3	VHI	8 -	A+1	LR	F(50.5066	F(50.1062	0.0%	0.0%	166705	166705	166705	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00			
KPLC-113984		LAKE QNTSC	CP		316.000	C/M		Clean	269.69	410.9	84.0	45	6.0	3	VHI	7 -	Co	LR	F(50.5066	F(50.1011	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C		
KPLC-113984		LAKE QNTSC	LIC		316.000	C/M		Clean	269.68	411.1	84.1	45	6.0	3	VHI	7 -	Co	LR	F(50.5068	F(50.1011	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WJHG-73136		PANAMTSC	LIC		316.000	C/M		Clean	80.23	318.4	86.4	28	6.0	3	VHI	7 +	Co	LR	F(50.5068	F(50.1028	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
W08DD-72180		ELSANTPTV	LIC		0.055	C/M		Clean	86.17	108.8	88.1	-3	6.0	0	VHI	8 +	A+1	LR	F(50.5068	F(50.1071	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
WRBD-89994		PENSAA	LIC		0.116	C/M		Clean	91.47	141.0	118.8	-6	6.0	0	VHI	8 -	A+1	LR	F(50.5068	F(50.1074	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	
K07WE-24980		BATONPTV	LIC		0.030	C/M		Clean	269.87	232.3	148.9	28	6.0	0	VHI	7 +	Co	LR	F(50.5068	F(50.1040	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KNOE-489650		MONRIDIG	R/LIC		5.000	C/M		Clean	301.69	370.9	195.4	2	12.0	2	VHI	7	Co	LR	F(50.9036	F(50.1015	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KNOE-48975		MONRIDTV	CP		5.000	C/M		Clean	301.70	371.1	195.6	2	12.0	2	VHI	7	Co	LR	F(50.9036	F(50.1015	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KNOE-48975		MONRID-STA	LIC		1.000	C/M		Clean	301.70	371.1	207.6	2	12.0	0	VHI	7	Co	LR	F(50.9036	F(50.1015	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
WJRD-70429		TUSCAA	LIC		0.430	C/M		Clean	20.55	318.1	283.1	28	6.0	0	VHI	7 +	Co	LR	F(50.5068	F(50.1040	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
W07BN-7359		BRUCELPTV	LIC		3.000	C/M		Clean	351.47	397.6	359.4	28									N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C	

O.E.T. BULLETIN No. 69 PARAMETERS

TERRAIN DATA: ENHANCED NGDC 3"
TERRAIN SPACING: 0.2 KM
MATRIX CELL SIZE: 30" (APPX 1 KM)
POPULATION: CENSUS 1990